TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NINH HOÀ
TỈNH KHÁNH HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 28/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 09-4-2018
V/v tranh chấp "*Ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NINH HÒA, TỈNH KHÁNH HÒA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- *Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà:* **Ông Võ Văn Hải**
- *Các Hội thẩm nhân dân*: **Ông Nguyễn Ràng**
Ông Nguyễn Chung
- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Tiến Oai – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

Ngày 09/4/2018, Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 03/2018/HNGĐ ngày 05/01/2018 về việc: *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2018/HNGĐ ngày 22/3/2018 giữa:

- *Nguyên đơn:* Ông **Trần Anh B –** Sinh năm: 1971

Địa chỉ: Tổ dân phố M L, phường N Th, thị xã N H, tỉnh Kh H. Có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* Bà **Trần Thị Diễm Tr** − Sinh năm: 1971

Địa chỉ: Tổ dân phố M L, phường N Th, thị xã N H, tỉnh Kh H. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, các lời khai tiếp theo và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Trần Anh B trình bày*:** Tôi và bà Trần Thị Diễm Tr kết hôn năm 2001 tại UBND phường N Th, thị xã N H, tỉnh Kh H. Trong thời gian chung sống với nhau, giữa vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, do tính tình không hòa hợp, thường xuyên kình cãi, tình cảm của tôi dành cho bà Tr không còn nên tôi yêu cầu được ly hôn với bà Tr.

Về con chung: Tôi và bà Trần Thị Diễm Tr có 02 con chung là Trần Anh B1 –sinh ngày: 13/4/2002 và Trần Anh Ph –sinh ngày: 05/08/2012. Nếu ly hôn tôi đồng ý giao 02 con chung để cho bà Tr trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Theo đơn bản tự khai, các lời khai tiếp theo và tại phiên tòa, bị đơn bà Trần Thị Diễm Tr trình bày:*** Tôi và ông Trần Anh B kết hôn vào năm 2001 tại UBND phường N Th, thị xã N H, tỉnh Kh H. Trong thời gian chung sống với nhau, giữa vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, nên ông B yêu cầu ly hôn tôi thì tôi không đồng ý ly hôn vì tình cảm vợ chồng vẫn còn.

Về con chung: Tôi và ông B có 02 con chung là Trần Anh B1 –sinh ngày: 13/4/2002 và Trần Anh Ph –sinh ngày: 05/08/2012 nếu phải ly hôn tôi yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Xác định đây là tranh chấp về quan hệ hôn nhân và gia đình về ly hôn và con chung nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự thì thuộc thẩm quyền của Tòa án cấp sơ thẩm.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Anh B và bà Trần Thị Diễm Tr tự nguyện kết hôn và được Uỷ ban nhân dân phường N Th, thị xã N H, tỉnh Kh H cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 127 ngày 19/12/2001. Do vậy, xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống hai bên bất đồng quan điểm sống dẫn đến va chạm, mâu thuẫn và không chung sống với nhau từ tháng 07 năm 2013 đến nay. Nguyện vọng của ông Trần Anh B xin được ly hôn bà Trần Thị Diễm Tr. Còn bà Trần Thị Diễm Tr không đồng ý ly hôn vì cho rằng tình cảm vợ chồng vẫn còn. Hội đồng xét xử xét thấy, ông Trần Anh B và bà Trần Thị Diễm Tr đã không chung sống với nhau từ tháng 07 năm 2013 đến nay cho nên xét thấy vợ chồng không còn tình cảm với nhau và không quan tâm, thương yêu, quý trọng, chăm sóc lẫn nhau. Do vậy, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Trần Anh B là có căn cứ và phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: ông Trần Anh B và bà Trần Thị Diễm Tr có 02(hai) con chung Trần Anh B1 –sinh ngày: 13/4/2002 và Trần Anh Ph –sinh ngày: 05/08/2012. Tại phiên tòa, bà Tr yêu cầu được nuôi con chung, Hội đồng xét xử xét thấy theo nguyện vọng của các cháu thì có nguyện vọng ở với cha nhưng tại phiên tòa ông B đồng ý giao 02 con chung cho bà Tr trực tiếp nuôi dưỡng. Do vậy, xét điều kiện kinh tế của bà Tr có phần ổn định nên cần giao các cháu Trần Anh B1 –sinh ngày: 13/4/2002 và Trần Anh Ph –sinh ngày: 05/08/2012 cho bà Trần Thị Diễm Tr trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu tròn 18 tuổi. Bà Tr không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con nên không xét. Ông B được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền làm đơn yêu cầu việc thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung: ông Trần Anh B và bà Trần Thị Diễm Tr không yêu cầu nên không giải quyết.

[5] Về án phí: ông Trần Anh B phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[6] **Về quyền kháng cáo:** Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1/ Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Anh B.

1.1 Về quan hệ hôn nhân**:** ông Trần Anh B được ly hôn với bà Trần Thị Diễm Tr.

1.2 Về con chung: Giao các cháu Trần Anh B1 –sinh ngày: 13/4/2002 và Trần Anh Ph –sinh ngày: 05/08/2012 cho bà Trần Thị Diễm Tr trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu tròn 18 tuổi. Bà Tr không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con chung. Ông Trần Anh B được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền làm đơn yêu cầu việc thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung.

1.3 Về tài sản chung: ông Trần Anh B và bà Trần Thị Diễm Tr không yêu cầu tòa án giải quyết.

2/ Về án phí: ông Trần Anh B phải chịu 300.000đ(ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0003546 ngày 04 tháng 01 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ninh Hòa. Nên ông Trần Anh B đã nộp xong án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm**.**

3/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TÒA PHIÊN TÒA

Võ Văn Hải

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Kh H;
- VKSND thị xã N H;
- UBND phường N Th (GCNKH127/2001)
- CCTHADS thị xã N H;
- Lưu HS**.**